

Giấu Trần Nối Ống Gió Dạng Mỏng (Tiêu Chuẩn)

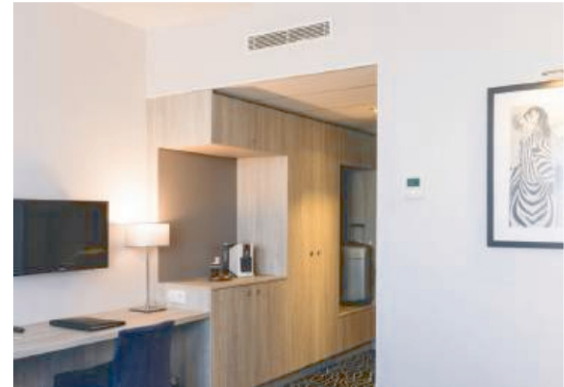
FXDQ-PD / ND

Thiết kế mỏng và yên tĩnh thích hợp cho trần giật cấp



Tiện nghi

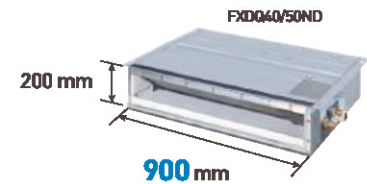
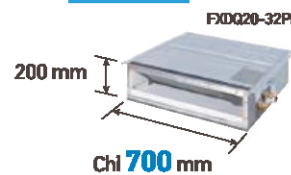
- Điều khiển lưu lượng gió có thể chọn 3 bước và Tự động. Có thể chọn điều khiển lưu lượng gió tự động bằng bộ điều khiển từ xa có dây.
- Độ ồn thấp: Xưởng đến 23 dB(A)



Lắp đặt linh hoạt

- Chiều cao chỉ 200 mm, model này có thể được lắp đặt trong các phòng có chiều cao thấp nhất là 240 mm cho không gian giữa trần betong và trần thạch cao.
- Bơm nước xả được trang bị như một phụ kiện tiêu chuẩn với độ nâng 750 mm

Hoàn hảo cho khách sạn!



*Chiều rộng 1,100 mm đối với model FXDQ63ND.

Thông số kỹ thuật

MODEL			FXDQ20PDVE	FXDQ25PDVE	FXDQ32PDVE	FXDQ40NDVE	FXDQ50NDVE	FXDQ63NDVE
Nguồn điện			1 pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất lạnh	Btu/h		7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW		2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Công suất sưởi	Btu/h		8,500	10,900	13,600	17,100	21,500	27,300
	kW		2.5	3.2	4.0	5.0	6.3	8.0
Điện năng tiêu thụ (FXDQ-PD/NDVE) ^{*1}	Làm lạnh	kW	0.086		0.089	0.160	0.165	0.181
	Sưởi	kW	0.067		0.070	0.147	0.152	0.168
Vỏ máy			Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút		8.0/7.2/6.4			10.5/9.5/8.5	12.5/11.0/10.0	16.5/14.5/13.0
	cfm		282/254/226			371/335/300	441/388/353	583/512/459
Áp suất tĩnh ngoài		Pa	30-10 ^{*2}			44-15 ^{*2}		
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp) ^{*1,3}		dB(A)	28/26/23		28/26/24	30/28/26	33/30/27	33/31/29
Kích thước (C×R×D)		mm	200×700×620			200×900×620		200×1,100×620
Trọng lượng		kg	23			27	28	31
Ống kết nối	Lỏng (Loe)	mm	φ 6.4					
	Hơi (Loe)		φ 12.7					
	Nước xả		VP20 (Đường kính ngoài 26/Đường kính trong 20)					

Ghi chú: Điều kiện thử nghiệm và xác định các thông số hoạt động của hệ thống tuân theo tiêu chuẩn ISO15042 về xác định các thông số hoạt động của hệ thống điều hòa trung tâm. Các thông số kỹ thuật được dựa trên những điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên trong 27°CDB, 19.0°CWB, Nhiệt độ bên ngoài 35°CDB, Ống dẫn môi chất chiều dài tương đương: 7.5m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Sưởi: Nhiệt độ bên trong 20°CDB, Nhiệt độ bên ngoài 7°CDB, 6°CWB, Ống dẫn môi chất chiều dài tương đương: 7.5m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh dựa trên tổng công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh.

*1: Giá trị dựa trên các điều kiện sau: FXDQ-PD: Áp suất tĩnh ngoài 10 Pa; FXDQ-ND: Áp suất tĩnh ngoài 15 Pa

*2: Áp suất tĩnh ngoài có thể thay đổi bằng cách cài đặt trên điều khiển từ xa, áp suất này nghĩa là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn". (Cài đặt tại nhà máy là 10 Pa đối với model FXDQ-PD và 15 Pa đối với FXDQ-ND)

*3: Chỉ số độ ồn đưa ra trên đây dùng cho trường hợp hồi phía sau. Trong trường hợp hồi dưới đây có thể tính toán được bằng cách cộng thêm 5dB (A).